

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 17-3-2020

“V/v Tranh chấp nợ hui và thực hiện
nghĩa vụ do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thật

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17/3/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-DS, ngày 25/7/2019 về việc “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N - sinh năm 1987 (có mặt);

HKTT: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú tại: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Hoàng K – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt);

- Bị đơn: Ông Danh L – sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Danh V – sinh năm 1928; Anh Danh Minh N – sinh ngày 23/7/2002 và chị Danh Thị Minh T – sinh ngày 08/7/2004 (đều có đơn xin vắng mặt).

Người giám hộ của Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T: Ông Danh L (cha ruột);

Cùng trú tại: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

Vào năm 2017, chị có tham gia chơi hụi do bà Thị Tuyết M (tên thường gọi là D) làm chủ hụi, tên chị tham gia chơi hụi là Bằng (Thuốc tây) tên trên là tên cửa hiệu của chị, gồm các dây hụi sau:

- Dây hụi 3.000.000đ: Áp ngày 11/4/2017 al, có 53 chân, một tháng sổ 02 lần, chị chơi 02 chân, đóng được 25 lần, còn lại 28 lần thì ngưng không sổ nữa do bà M chết. Cả 02 chân hụi này đều sống, chị đóng được số tiền $54.780.000\text{đ}/\text{chân} \times 02 \text{ chân} = 109.560.000\text{đ}$.

- Dây hụi 500.000đ: Áp ngày 26/6/2017 al, có 72 chân, một tuần sổ 01 lần, chị chơi 04 chân, đóng được 39 lần, còn lại 33 lần thì ngưng không sổ nữa do bà M chết. Cả 04 chân hụi này đều sống, chị đóng được số tiền $15.500.000\text{đ}/\text{chân} \times 04 \text{ chân} = 62.000.000\text{đ}$.

Tổng cộng 02 dây hụi trên chị đóng được tổng số tiền 171.560.000đ. Số tiền này chị chỉ tính tiền vốn đã đóng mà không tính lãi.

Cả 02 dây hụi này, bên bà M đều giao danh sách chơi hụi cho chị đầy đủ, bản thân chị thì cũng có ghi sổ theo dõi vào mỗi kỳ sổ hụi.

Sau khi bà M chết thì hụi ngưng sổ, chị cùng các hụi viên còn lại có đến gặp ông Danh L (chồng của bà M) để cùng nhau bàn bạc, tính toán đối với số tiền nợ hụi, ông Danh L thống nhất sẽ tiếp tục gom hụi của các hụi viên đã hốt đề nửa tháng chung hụi 01 lần cho các hụi viên còn sống (trong đó có chị) theo thứ tự đã bốc thăm tại “Biên Bản thống nhất” ngày 30/4/2018 do chính ông Danh L lập. Theo kết quả bốc thăm chị được chung hụi vào lần thứ 27 nhưng đến nay đã quá thời hạn chung hụi cho chị nhưng bên ông L vẫn chưa chung cho chị đồng nào.

Tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh L cùng 02 người con chung của ông Danh L và bà Thị Tuyết M là Danh Minh N và Danh Thị Minh T cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ hụi tổng cộng là 171.560.000đ.

Đối với ông Danh V: Chị Huỳnh Thị N không có yêu cầu gì.

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn, tại bản tự khai ngày 07/8/2019, Biên bản hòa giải ngày 13/8/2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Danh L trình bày:

Vợ ông là Thị Tuyết M (tên thường gọi là D) đã chết vào ngày 16/4/2018 dl, vợ chồng ông có 02 người con chung tên: Danh Minh N – sinh ngày 23/7/2002 và Danh Thị Minh T – sinh ngày 08/7/2004. Mẹ vợ là bà Thị Sậy chết năm 2018, cha vợ là ông Danh V – sinh năm 1928 hiện ông Vui đang bị bệnh tai biến, liệt nửa người, không nói chuyện được.

Ông thừa nhận, bà M vợ ông có làm chủ hụi nhiều năm, chị N có tham gia chơi hụi do vợ ông làm chủ với tên chơi hụi là Bằng (Thuốc tây). Các chân hụi, dây hụi và số lần đóng hụi như chị N kê ra là đúng. Quá trình chơi hụi, chị N thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp hụi cho vợ ông.

Sau khi vợ ông chết, đến ngày 30/4/2018, giữa ông và những hụi viên còn sống trong đó có chị N có họp lại thống nhất thỏa thuận phương án là ông sẽ đi gom hụi của các hụi viên đã hốt đề nửa tháng chung hụi 01 lần cho các hụi viên còn sống theo thứ tự đã bốc thăm tại Biên Bản thống nhất ngày 30/4/2018. Biên

bản thống nhất trên do chính ông viết, ký tên, có mặt các hội viên còn lại và tất cả đồng ý ký tên thống nhất. Kết quả bốc thăm thứ tự chị N được chung hội vào lần thứ 27, khi bốc thăm do chồng chị N bốc thăm và ký tên nhưng không ghi tên chị N mà ghi theo tên chơi hội là tên Bằng (Văn Bằng). Đến nay đã quá thời hạn chung hội cho chị N nhưng do nhiều hội viên khác giật hội không chịu đóng hội chết cho ông nên ông không có khả năng chung hội cho chị N.

Thời gian qua, chị N cũng tạo điều kiện cho gia đình ông trả nợ nhưng do 02 con ông còn nhỏ phải lo tiền ăn học, cha vợ thì bị bệnh nằm 01 chỗ, lương ông thì phải trả cho ngân hàng gần hết vì lúc vợ ông bệnh phải thế chấp tài sản để vay tiền, số tiền còn lại chỉ khoảng 2.000.000đ không đủ để lo tiền sinh hoạt trong gia đình nên không còn khả năng trả nợ cho chị N. Nay, chị N khởi kiện ông đòi số tiền hội 171.560.000đ thì ông cũng thừa nhận theo danh sách hội viên còn sống thì còn nợ chị N số tiền này nhưng giờ ông đã mất khả năng thanh toán, gia đình lại quá khó khăn nên ông không hẹn được ngày trả nợ cho chị N được nên khi nào có điều kiện ông sẽ trả nợ cho chị N.

Tại phiên tòa, ông Danh L khai nại, ông L cho rằng số nợ trên ông không thừa nhận vì nợ trên vợ ông không nợ chị N, vợ ông chỉ là chủ hội đứng ra tổ chức gom hội hưởng hoa hồng nên số tiền trên là do các hội viên đã hốt nợ chị N, vợ ông chết ông cũng thống nhất đứng ra đi gom hội của những hội viên đã hốt để chung lại cho các hội viên còn sống (trong đó có chị N) nhưng hiện nay ông không gom được hội chết nên ông không đồng ý trả số nợ trên cho chị N. Ông cũng không có trả tiền cho các hội viên còn sống khác, ông chỉ có trả xong phần tiền nợ hội cho 2 hội viên là giáo viên cùng cơ quan với ông, vì nợ hội của hai người này là vợ ông nợ. Đối với số tiền nợ hội chị N khởi kiện yêu cầu ông trả là 171.560.000đ ông không thừa nhận và không đồng ý trả cho chị N số tiền này. Tuy nhiên, ông L thừa nhận trong quá trình làm chủ hội số tiền bà M hưởng hoa hồng từ các dây hội, bà M đều mang về để chi xài, mua sắm phục vụ nhu cầu cuộc sống chung trong gia đình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Danh Minh N, Danh Thị Minh T đều cho rằng không biết chuyện làm ăn của cha mẹ nên không có ý kiến cũng như yêu cầu gì trong vụ kiện và xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Phạm Hoàng K trình bày: Thực tế, giữa chị N và bà M có thống nhất chơi với nhau trong các dây hội này, sau khi bà M mất đến ngày 30/4/2018 các hội viên sống có họp lại với Danh L để thống nhất phương án là ngừng sổ hội và trách nhiệm của ông Danh L phải đi gom hội chết để chung cho hội viên còn sống theo thứ tự bốc thăm từ 01 đến 28. Theo nội dung thỏa thuận trong biên bản này thì bị đơn là người có lợi vì chị N không có tính tiền lãi mà chỉ tính số tiền thực đóng cho nên việc ông L đi gom hội chết để chung cho hội viên còn sống thì phía ông L sẽ được thêm tiền lời chưa kể tiền hoa hồng. Điều này cho thấy phía nguyên đơn đã có thiện chí tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Hơn nữa, tại phiên tòa, ông L thống nhất chữ viết và chữ ký trong Biên bản ngày 30/4/2018 là của ông và ông Danh L cũng đã thống nhất nợ với chị N nhưng không đồng ý trả nợ vì cho rằng hoàn cảnh khó khăn tại Biên bản hòa giải ngày 13/8/2019. Ngoài ra, nợ này

phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông Danh L phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 471 BLDS, Điều 8, Điều 10 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường buộc bị đơn Danh L cùng Danh Minh N và Danh Thị Minh T có nghĩa vụ thanh toán cho chị N số tiền nợ hội bằng 171.560.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hội” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử nên cần rút kinh nghiệm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 471, 615, 651, 658, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Danh L cùng 02 người con chung của ông Danh L, bà Thị Tuyết M gồm: Danh Minh N và Danh Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị N số tiền nợ hội bằng 171.560.000đ (một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên chị Huỳnh Thị N khởi kiện ông Danh L về việc “Tranh chấp nợ hội và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên Tòa, Danh Minh N và Danh Thị Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại khi xét xử vụ án, căn cứ Điều 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị N và bị đơn ông Danh L thừa nhận: Thời gian vào năm 2017, giữa chị Huỳnh Thị N với bà Thị Tuyết M (tên thường gọi là D) có thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hội với nhau, bà M làm chủ hội, chị N là hội viên tham gia chơi hội với tên Bảng (Thuốc tây) là tên của hiệu của chị N, các dây hội gồm: Dây hội 3.000.000đ, mở ngày 11/4/2017 al, có 53 chân, một tháng số 02 lần, chị N tham gia chơi 02 chân và dây hội 500.000đ, mở ngày 26/6/2017 al, có 72 chân, một tuần số 01 lần, chị N tham gia chơi 04 chân. Các dây hội này đều sổ bình thường cho đến ngày 16/4/2018 bà M chết thì ngưng không sổ nữa, tổng cộng số tiền vốn chị N đã đóng trong các dây hội nêu trên là 171.560.000đ. Đến ngày 30/4/2018, giữa ông Danh L và các hội viên (hội sống) trong đó có chị N có họp lại thống nhất thỏa thuận phương án là ông Danh L sẽ đi gom hội của các hội viên đã hốt đề nửa tháng chung hội 01 lần cho các

hội viên còn sống theo thứ tự đã bốc thăm của Biên Bản thống nhất ngày 30/4/2018. Biên bản thống nhất trên do ông Danh L viết, ký tên, có mặt các hội viên còn lại và tất cả đồng ý ký tên thống nhất. Kết quả bốc thăm thứ tự chị N được chung hội vào lần thứ 27, khi bốc thăm do chồng chị N bốc thăm và ký tên nhưng không ghi tên chị N mà ghi theo tên chơi hội là tên Bằng (Văn Bằng). Đến nay đã quá thời hạn chung hội nhưng ông L vẫn chưa chung hội cho chị N nên chị N khởi kiện ra Tòa đề đòi lại số nợ này. Xét về nội dung và hình thức hợp đồng góp hội như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Xét yêu cầu của chị Huỳnh Thị N đòi ông Danh L cùng 02 người con chung của ông Danh L và bà Thị Tuyết M là Danh Minh N và Danh Thị Minh T cùng có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ hội tổng cộng là 171.560.000đ, trả trong một lần. Đối với yêu cầu này của chị N, tại biên bản hòa giải ngày 13/8/2019 ông Danh L thừa nhận nợ nhưng không hẹn được ngày trả vì ông L cho rằng đã mất khả năng thanh toán. Tại phiên tòa, ông L không thừa nhận nợ và cho rằng số nợ trên là vợ ông không nợ chị N, vợ ông chỉ là chủ hội đứng ra tổ chức gom hội hưởng hoa hồng nên số tiền trên là do các hội viên đã hót nợ chị N, vợ ông chết ông cũng thống nhất đứng ra đi gom hội của những hội viên đã hót đề chung lại cho các hội viên còn sống (trong đó có chị N) nhưng hiện nay ông không gom được hội chết nên ông không đồng ý trả số nợ trên cho chị N. Còn Danh Minh N và Danh Thị Minh T thì có ý kiến cho rằng không biết việc làm ăn của cha mẹ nên không có ý kiến cũng như yêu cầu gì trong vụ kiện.

Xét việc bà M tổ chức các dây hội nêu trên ông L đều biết và công nhận, số tiền bà M hưởng hoa hồng từ các dây hội, bà M đều mang về để chi xài, mua sắm phục vụ nhu cầu cuộc sống chung trong gia đình của bà M và ông L. Sau khi bà M chết, ngày 30/4/2018 ông L tiếp tục thực hiện vai trò của vợ mình bằng việc ông đã đứng ra thỏa thuận với các hội viên và chính ông đã lập biên bản thống nhất về các thành viên hội còn sống cũng như thứ tự trả nợ cho các hội viên còn sống và thỏa thuận chỉ trả lại trên số tiền hội vốn đã đóng. Như vậy, có thể thấy rằng mặc nhiên ông L đã thừa nhận số nợ trên và xin trả lại bằng tiền vốn. Ông L cũng đã đi gom hội và đã trả xong cho hai hội viên làm giáo viên cùng trường với ông. Tại phiên tòa, ông cho rằng sau đó do ông không gom được tiền của các hội viên khác nên ông không đồng ý trả nợ cho chị N là không có cơ sở để chấp nhận. Vì đây là nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân ông L đã biết và thừa nhận nên ông phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị N số tiền 171.560.000đ theo quy định tại Điều 288 BLDS. Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N.

Đối với 02 người con chung của ông L và bà M là Danh Minh N và Danh Thị Minh T không biết gì về việc chơi hội giữa chị N và bà M nhưng hiện nay bà M đã chết nên Danh Minh N và Danh Thị Minh T là hàng thừa kế thứ nhất làm phát sinh việc thừa kế và phát sinh nghĩa vụ do người chết để lại. Do đó, Danh Minh N và Danh Thị Minh T có nghĩa vụ cùng ông Danh L chịu trách nhiệm trả cho chị N số tiền 171.560.000đ theo quy định tại Điều 615 BLDS là thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Việc ông Danh L không hẹn ngày trả nợ vì cho rằng mình đã mất khả năng thanh toán không được chị N chấp nhận. Xét thấy, việc ông Danh L cùng 02 người con chung của ông L, bà M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 8, Điều 10 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường nên cần buộc ông Danh L cùng 02 người con chung của ông L, bà M có trách nhiệm thanh toán số nợ hui này cho chị N là phù hợp.

[4] Về án phí: Ông Danh L, Danh Minh N và Danh Thị Minh T cùng phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 8.578.000đ (171.560.000đ x 5%) do anh chị có lỗi trong vụ kiện này.

Chị Huỳnh Thị N được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 471, 615, 651, 658, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Danh L phải có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị N số tiền 171.560.000đ (một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm sau mươi nghìn đồng).

Buộc 02 người con chung của ông Danh L, bà Thị Tuyết M gồm: Danh Minh N và Danh Thị Minh T có nghĩa vụ cùng ông Danh L chịu trách nhiệm trả cho chị N số tiền 171.560.000đ (một trăm bảy mươi một triệu, năm trăm sau mươi nghìn đồng) trong phạm vi di sản mà Danh Minh N và Danh Thị Minh T được hưởng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh L, Danh Minh N và Danh Thị Minh T cùng phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 8.578.000đ (tám triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Chị Huỳnh Thị N được nhận lại số tiền 4.289.000 đồng (bốn triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004231 ngày 25/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/3/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập